

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC HÒA  
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 166/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 27-6-2024  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Như

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Đồi

Ông Nguyễn Chí Lin

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1246/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị T, sinh năm 1989;

Bị đơn: Ông Nguyễn Bảo X, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

(bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông X vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/11/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà T trình bày:

Bà và ông X có tìm hiểu nhau, sau đó đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre vào ngày 28/9/2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm đến nay không thể hàn gắn được. Bà nhận thấy, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt không thể hàn gắn được nữa nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông X.

Về con chung: Tại đơn khởi kiện bà **T** xác định bà và ông **X** có 01 con chung tên **Nguyễn Hoàng Thảo M**, sinh ngày 28/6/2011, con chung hiện đang ở cùng với ông **X** khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông **X** cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bà **T** đồng ý giao con chung tên **Nguyễn Hoàng Thảo M**, sinh ngày 28/6/2011 cho ông **X** tiếp tục nuôi dưỡng vì cháu **M** hiện đang ở cùng ông **X**. Bà không cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì bận công việc nên bà **T** đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Bị đơn ông **Nguyễn Bảo X** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến trình bày.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà **Nguyễn Thị T** khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông **Nguyễn Bảo X**, ông **X** đang cư trú tại **xã M, huyện Đ, tỉnh Long An** nên Hội đồng xét xử nhận định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về hôn nhân: Bà **T** và ông **X** tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn vào ngày 27/12/2011 tại **Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre** nên hôn nhân giữa bà **T** và ông **X** là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà **T** trình bày quá trình chung sống giữa bà **T** và ông **X** đã phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, bà kiên quyết yêu cầu Tòa án cho ông ly hôn với ông **X**. Bị đơn ông **X** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà **T**, điều này cho thấy ông **X** không có mong muốn hàn gắn tình cảm với bà **T**, đồng thời mâu thuẫn giữa bà **T** và ông **X** là có thật, quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình



cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc bà T kiên quyết ly hôn với ông X là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Thảo M, sinh ngày 28/6/2011, quá trình giải quyết bà T đề nghị giao con chung cho ông X tiếp tục nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, con chung hiện đang ở cùng với ông X, do đó để đảm bảo sự ổn định trong học tập và sinh hoạt của con chung cần giao con chung cho ông X tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, do bà T không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con và ông X vắng mặt không có yêu cầu, nên trong vụ án này bà T không phải cấp dưỡng nuôi con. Nếu sau này, ông X có yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con thì ông có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[2.3] Về chia tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 18, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với ông Nguyễn Bảo X.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Bảo X.

Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng Thảo M, sinh ngày 28/6/2011, cho ông X tiếp tục nuôi dưỡng, bà T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Buộc bà **Nguyễn Thị T** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí mà bà **T** đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005222 ngày 08/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, bà **T** đã nộp đủ.

3. Án xử sơ thẩm công khai đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã Thạnh Phong, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (để biết);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Ngọc Như**